

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28/9/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị H - sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Nông Trung K - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020, bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nông Trung K kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 02 năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2015, vợ chồng chuyển vào miền Nam sinh sống tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Đến đầu năm 2017 do bất đồng quan điểm sống nên anh Nông Trung K đã từ Đắk Nông trở về

sinh sống tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; chị H sống với bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Từ đầu năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân, không gặp lại, không quan tâm, hỏi thăm nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) và Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam). Con chung Nông Nhật M hiện đang sống cùng với bố là Nông Trung K tại tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Con chung Nông Nhật H hiện đang sống cùng mẹ Nông Thị H tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam) cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) chị H yêu cầu anh Nông Trung K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị H xác định tài sản chung, nợ chung, nợ riêng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 8 năm 2020, bị đơn Nông Trung K trình bày thống nhất với chị H về điều kiện, thời điểm kết hôn. Sau khi kết hôn xong cả hai vợ chồng buôn bán hàng tạp hóa tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2015, vợ chồng anh chuyển vào Đắk Nông sinh sống một thời gian khoảng 01 năm. Đến năm 2016, anh cùng con cả và bố mẹ anh lại quay về Cao Bằng sinh sống.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có phát sinh mâu thuẫn gì. Anh không hiểu lý do vì sao vợ lại viết đơn xin ly hôn. Lý do hiện nay vợ chồng sống mỗi người một nơi là do anh không hợp với cách sinh hoạt của gia đình nhà vợ ở Đắk Nông. Điều kiện nhà ở cũng chật hẹp nên anh lại chuyển ra ngoài Cao Bằng để sinh sống. Vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, giữa vợ và mẹ đẻ anh cũng có sự mâu thuẫn do vợ anh không biết chăm lo vun vén gia đình. Chị H cũng cư xử không khéo dẫn tới mâu thuẫn với làng xóm láng giềng nơi anh đang cư trú tại tổ H, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đã nhiều lần anh gọi điện cho vợ về Cao Bằng để sinh sống nhưng chị H không nghe, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm vợ tôi và con thứ hai, gia đình vợ. thỉnh thoảng anh cũng có gửi tiền, gửi quà, gửi sữa cho con thứ hai. Anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức độ trầm trọng, vẫn còn khả năng để hàn gắn, khắc phục; chị H muốn ly hôn là do điều kiện địa lý xa xôi, vợ chồng sống xa nhau. Anh K không nhất trí ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung, anh K trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) và Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam). Con cả hiện nay đang học lớp 1 (chuẩn bị lên lớp 2) trường Tiểu học Đ, thành phố Cao Bằng. Hiện nay cháu Nhật M đang sống với anh và ông bà nội tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Còn cháu thứ 2 hiện còn nhỏ, chưa đi học, đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại

tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trường hợp vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn Nông Trung K đã được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử công khai đơn xin xét xử vắng mặt và căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt cả hai bên nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Điều 239, 241, 242, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258).

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nông Trung K là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nông Trung K.

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Trung K.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) cho anh Nông Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có, Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn Nông Trung K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng đã được Tòa án chuyển giao hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nông Trung K kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông nên là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2015, vợ chồng chuyển vào miền Nam sinh sống tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Đến đầu năm 2017 do bất đồng quan điểm sống nên anh Nông Trung K đã từ Đắk Nông về sống tại Tổ M, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị H vẫn sinh sống với bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Từ đầu năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không gặp lại nhau, không quan tâm đến nhau. Trong suốt thời gian từ 2016 đến nay, cả hai vợ chồng không ai có giải pháp khắc phục mâu thuẫn, anh K cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng thực tế anh cũng không chuyển về sinh sống cùng với vợ để hàn gắn tình cảm, xây dựng cuộc sống gia đình.

Chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh K vắng mặt tại tòa án không có lý do nhưng anh K đã có lời khai thể hiện ý kiến của anh.

Xét thấy đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không có khả năng khắc phục. Anh K, chị H đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, chị H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: chị H yêu cầu mỗi người nuôi một con và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh K yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) đang sống cùng bố là anh Nông Trung K. Tòa án đã lấy lời khai của cháu; Nông Nhật M hiện đang học lớp 2 và có nguyện vọng được sống cùng với bố. Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam), hiện nay cháu ở độ tuổi mầm non, đang sống cùng mẹ. Do đó, cần giao cháu M cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu H cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm xáo trộn cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất, tinh thần cho các con chung của anh chị.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: do các đương sự không yêu cầu nên tòa án không giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và vấn đề cấp dưỡng sẽ được giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết .

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nông Trung K.

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Trung K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nông Nhật M - sinh ngày 08/02/2013 (giới tính: nam) cho anh Nông Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung Nông Nhật H - sinh ngày 03/8/2017 (giới tính: nam) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung; nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000786 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp